

MA TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 – TOÁN 10 NH: 2024-2025

Học văn môn học		Năng lực toán học									
Chủ đề	Nội dung	NL tư duy và lập luận toán học (TD)			NL giải quyết vấn đề toán học (GQ)			NL mô hình hóa toán học (MH)			Số câu, số điểm
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
Chủ đề 1 Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Bài 1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	TN1 (TD1.1)									1 câu 0,25 đ
	Bài 2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	TN2 (TD1.1)	TN3 (TD1.2)							TL4 (MH2.1)	3 câu 1,5 đ
Chủ đề 2 Hàm số bậc hai và đồ thị	Bài 1. Hàm số và đồ thị	TN4 (TD1.1) TL1a (TD1.2)	TL1b (TD1.2)								3 câu 1,25 đ
	Bài 2. Hàm số bậc hai	TN5 (TD1.1)	TN6 (TD1.2) TL2 (TD1.2)	TL3 (TD1.3)							4 câu 2,5 đ
Chủ đề 3 Vector	Chương V. Vector	TN7, 8 (TD1.1)	TN9 (TD1.2)								3 câu 0,75 đ
	Bài 2. Tổng và hiệu của hai vector Bài 3. Tích của một số với một vector		TL5a, 5b (TD1.2)								2 câu 1 đ
	Bài 4. Tích vô hướng của hai vectơ	TL6a (TD1.1)	TL6b (TD1.2)								2 câu 1,0 đ
Chủ đề 4 Thống kê	Chương VI. Thống kê				TN10, 11 (GQ1.2)	TN12 (GQ1.4)					3 câu 0,75 đ

	Bài 3. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu				TL7a (QG2.1)	TL7b (GQ2,2)					2 câu 1 đ
Số câu, số điểm		8 câu 2,5 đ	8 câu 3,75 đ	1 câu 1 đ	3 câu 1 đ	2 câu 0,75 đ	0 câu 0 đ	0 câu 0 đ	0 câu 0 đ	1 câu 1,00 đ	23 câu 10 đ
Mức độ tư duy		Biết 11 câu: 3,5 đ. TL 35%			Hiểu 10 câu: 4,5 đ. TL 45%			Vận dụng 2 câu: 2 đ. TL 20%			

MA-TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 – TOÁN 11 NH: 2024-2025

Học vấn môn học		Năng lực toán học									
Chủ đề	Nội dung	NL tư duy và lập luận toán học (TD)			NL giải quyết vấn đề toán học (GQ)			NL mô hình hóa toán học (MH)			Số câu, số điểm
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
Chủ đề 1 Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	Bài 4. Hàm số lượng giác và đồ thị	TN1 (TD1.1)									1 câu 0,25 đ
	Bài 5. Các phương trình lượng giác cơ bản	TL1a (TD1.1)	TL1b (TD1.2)				TN2 (GQ3.1)				3 câu 1,25 đ
Chủ đề 2 Dãy số . Cấp số cộng. Cấp số nhân	Bài 3. Cấp số nhân		TN3 (TD1.2) TL2a (TD1.2)		TN4 (GQ1.2)					TL2b (MH2.1)	4 câu 1,5 đ
Chủ đề 3 Giới hạn .	Bài 1. Giới hạn của dãy số		TL3a (TD1.2)			TL3b (GQ1.4)					2 câu 1,0 đ

Hàm số liên tục	Bài 2. Giới hạn của hàm số	TN5 (TD1.2)				TN6 (GQ1.4)					2 câu 0,5 đ
	Bài 3. Hàm số liên tục					TL4a (QG1.4)	TL4b (QG3.2)				2 câu 1,0 đ
Chủ đề 4 Đường thẳng và mặt phẳng. Quan hệ song song trong không gian	Bài 1. Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	TN7 (TD1.1) TL6a (TD1.2)									2 câu 1,0 đ
	Bài 2. Hai đường thẳng song song	TN8 (TD1.2)									1 câu 0,25 đ
	Bài 3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	TN9 (TD1.2)	TL6b (TD1.2)								2 câu 0,75 đ
	Bài 4. Hai mặt phẳng song song				TN10 (GQ1.1)		TL6c (QG3.2)				2 câu 1,0 đ
Chủ đề 5 Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm	Bài 1. Số trung bình và mốt của mẫu số liệu ghép nhóm							TN11 (MH1.1)	TN12 (MH2.1)		2 câu 0,5 đ
	Bài 2. Trung vị và tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm					TL5a (QG3.2)				TL5b (MH3.1)	2 câu 1,0 đ
Số câu, số điểm		7 câu 2,5 đ	5 câu 2,25 đ		2 câu 0,5 đ	4 câu 1,75 đ	3 câu 1,5 đ	1 câu 0,25 đ	1 câu 0,25 đ	2 câu 1,00 đ	25 câu 10 đ
Mức độ tư duy		Biết 10 câu: 3,25đ. TL 32,5%			Hiểu 10 câu: 4,25đ. TL 42,5%			Vận dụng 5 câu: 2,5đ. TL 25%			

MA-TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 – TOÁN 12 NH: 2024-2025

Học văn môn học		Năng lực toán học									
Chủ đề	Nội dung	NL tư duy và lập luận toán học (TD)			NL giải quyết vấn đề toán học (GQ)			NL mô hình hóa toán học (MH)			Số câu, số điểm
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
Chủ đề 1 Ứng dụng đạo hàm để khảo sát hàm số	Bài 1. Tính đơn điệu và cực trị của hàm số (6T)	TN1 (TD1.1)			ĐS1a,b (GQ1.1)	ĐS1c,d (GQ1.4)					5 câu 1,25 đ
	Bài 2. Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số (3T)	TN2 (TD1.2) ĐS2a,b (TD1.2)	ĐS2c (TD1.3)			ĐS2d (GQ1.4)					5 câu 1,25 đ
	Bài 3. Đường tiệm cận của đồ thị hàm số (4T)		TN3 (TD1.2)			TLN1 (GQ1.1)					2 câu 0,75 đ
	Bài 4. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số (5T)	TN4 (TD1.1)				TN5 (GQ1.2)	TLN2 (GQ2.1)				3 câu 1,0 đ
	Bài 5. Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề (4T)				TN6 (GQ1.2)					TLN3 (MH1.1)	2 câu 0,75 đ
Chủ đề 2 VECTƠ VÀ HỆ TRỤC TOẠ ĐỘ TRONG KHÔNG GIAN	Bài 6. Vector trong không gian (6T)				TN8 (GQ1.2)						1 câu 0,25 đ
	Bài 7. Hệ trục toạ độ trong không gian (3T)						TLN4 (GQ2.1)				1 câu 0,5 đ
	Bài 8. Biểu thức toạ độ của các phép toán vector (3T)	ĐS4a (TD1.1)	ĐS4b,c (TD1.2)			ĐS4d (GQ2.2)	TLN5 (GQ2.1)				5 câu 1,5 đ
Chủ đề 3 PHƯƠNG TRÌNH ĐT, MP, MC	Bài 1: Phương trình mặt phẳng	TN7 (TD1.1) TN9 (TD1.1) TN10									1 câu 0.25 2 câu 0.5

		(TD1.1)									
Chủ đề 4 CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO ĐỘ PHÂN TÁN CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM	Bài 9. Khoảng biến thiên và khoảng tứ phân vị (1T)	TN11 (TD1.1)									1 câu 0,25 đ
	Bài 10. Phương sai và độ lệch chuẩn (2T)	TN12 (TD1.2) ĐS3a (TD1.1)	ĐS3b (TD1.2)			ĐS3c,d (GQ1.3)				TLN6 (MH1.1)	6 câu 1,75 đ
Số câu, số điểm		12 câu 3,0 đ	5 câu 1,25 đ		4 câu 1,0 đ	8 câu 2,25 đ	3 câu 1,5 đ			2 câu 1,00 đ	34 câu 10 đ
Mức độ tư duy		Biết 16 câu: 4,0đ. TL 40%			Hiểu 13 câu: 3,5đ. TL 35%			Vận dụng 5 câu: 2,5đ. TL 25%			